

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2020/DSPT

Ngày: 07/7/2020

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Triều**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Em**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Nam** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trần M Hoàng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 6 đến ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 416/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 311/2020/QĐPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

HKTT: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T – Chức vụ: Chi cục trưởng

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Đình C – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. (theo Giấy ủy quyền số 329/GUQ-CCTHADS ngày 17/5/2017). (có mặt).

2. Anh **Phạm Ngọc A**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 93/6 Lê Thị Hồng G, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông **Võ Văn N**, sinh năm 1952 (có mặt)

4. Anh **Võ Văn L**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh **Ngô Văn B**, sinh năm 1979

3/ Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1974

4/ Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6/ Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm: 1950

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

7/ Anh **Võ Ngọc T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8/ Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9/ Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố 10, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10/ Anh **Phạm Trọng V**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Lý Thường Kiệt, Khu phố 8, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Do có kháng cáo của: Nguyên đơn **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1960

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 07 tháng 4 năm 2014 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày như sau:*

Trước đây, bà không trả được khoản nợ cho Chi nhánh Ngân hàng Công thương Tiền Giang, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành kê biên và bán đấu giá đối với các tài sản thế chấp gồm nhà và đất của bà tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh Phạm Ngọc A là người mua trúng đấu giá tài sản. Sau đó, anh A bán lại và giao toàn bộ tài sản cho anh Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng. Trong số tài sản mà anh L đang quản lý, sử dụng có những tài sản không thuộc tài sản kê biên bán đấu giá. Do đó, sau khi anh L nhận tài sản, bà và anh L có thỏa thuận xử lý số tài sản không thuộc tài sản bị bán đấu giá. Theo đó, anh L được sở hữu số tài sản ngoài tài sản kê biên và hoàn lại cho bà giá trị tài sản. Tuy nhiên, bà và anh L chưa thống nhất giá trị hoàn trả. Sau đó, anh L không thực hiện việc trả tiền cho bà nên xảy ra tranh chấp. Nay bà yêu cầu anh L hoàn trả các tài sản như sau: 01 bồn Inox 5.000l cùng dây điện và ống nước trị giá 15.000.000đồng, thạch cao vữa trần cấp 78m trị giá 9.750.000đồng, thạch cao hoa văn bông cạnh tường lớn 243m trị giá 4.131.000đồng, thạch cao hoa văn nhỏ 54m trị giá 756.000đồng, chỉ thạch cao chữ L bông trần nhà 24 cái trị giá 720.000đồng, thạch cao hoa văn khung đèn lớn 8 cái trị giá 1.200.000đồng, kệ tủ nhôm dài 3m cao 0,5m và cửa nhôm kéo trị giá 5.000.000đồng, chậu rửa mặt inox trị giá 1.000.000đồng, 24 bộ màn cửa và khung màn trị giá 10.000.000đồng, 01 bộ cửa sắt và khung sắt dài 5m, cao 3m trị giá 7.000.000đồng, nền bê tông sắt 6 sân nhà 374m² x 100.000đồng/m² (gọi tắt là nền sân đan) là 37.400.000đồng, 03 cây đà 20.15 sắt 16 dài 3m mỗi cây trị giá 1.800.000đồng, 02 cây cột bê tông sắt 16 dài 3m trị giá 1.200.000đồng, 02 tấm đan 01m x 0,5 m trị giá 70.000đồng, 12 cây nhãn tiêu xuống com vàng trị giá 30.000.000đồng, 02 cây xoài cát Hòa Lộc trị giá 5.000.000đồng, 70 cây thiên tuế trị giá 7.000.000đồng, 03 cây cam sành trị giá 4.500.000đồng, 04 cây bông giấy trị giá 2.000.000đồng, 01 cây trần thẳng trị giá 500.000đồng, 22 bóng đèn mắt mèo trị giá 220.000đồng, đan tráng men 30m² trị

giá 3.000.000đồng, 01 chuồng gà (kết cấu mái tole, cây thao lao, lưới 4m x 2,5m) trị giá 5.000.000đồng. Tổng cộng các tài sản trị giá là 152.247.000đồng. Bà yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả lại số tài sản nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày bổ sung như sau:

Khi kê biên tài sản của bà để thi hành án, cơ quan thi hành án chỉ kê biên nhà và đất mà không tính các yếu tố mang tính chất trang trí nhà cũng như các tài sản trên đất. Bà có hỏi và được giải thích bà được quyền thỏa thuận với người mua trúng đấu giá về các tài sản ngoài kê biên. Theo bà, việc kê biên có nhiều sai phạm như không kê biên tài sản là cây trồng và nền sân đan, tính thiếu diện tích nhà. Sau khi anh L quản lý tài sản, bà có thỏa thuận giao anh L nhận các tài sản ngoài tài sản kê biên và anh L đồng ý. Tuy nhiên, hai bên chưa kê đủ các tài sản nằm ngoài kê biên và cũng chưa thỏa thuận giá hoàn trả. Chồng bà là ông Võ Văn N có viết giấy kê một số tài sản cùng giá trị nhưng anh L không đồng ý nên ông N đã vò bỏ. Giấy này anh L vẫn giữ và đã cung cấp bản sao cho Tòa án. Tuy nhiên, sau đó anh L chỉ trả được cho bà số tiền 10.000.000đồng và không trả tiếp khoản còn lại cho bà.

Nay, bà cho rằng trước đây khi phụ anh L dọn dẹp vườn, mẹ anh L là bà Nguyễn Thị G đã đốn bỏ các cây thiên tuế nhưng bà không có chứng cứ cho việc này nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh L hoàn trả 70 cây thiên tuế nhỏ. Bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh L hoàn trả giá trị các tài sản như sau:

Đối với tài sản hiện còn và đã định giá được, bà yêu cầu bồi hoàn theo giá định giá như sau: 01 bồn Inox, dây điện và ống nước trị giá 5.250.000đồng, thạch cao vữa trần cấp trị giá 6.169.932đồng, thạch cao hoa văn bông cạnh tường lớn trị giá 2.656.200đồng, thạch cao hoa văn nhỏ trị giá 975.120đồng, chỉ thạch cao chữ L trần nhà trị giá 972.000đồng, thạch cao hoa văn khung đèn trị giá 768.000đồng, kệ tủ nhôm và cửa nhôm kéo trị giá 1.000.000đồng, 01 bộ cửa sắt và khung sắt trị giá 2.863.800đồng, 22 bóng đèn mắt mèo trị giá 660.000đồng.

Đối với các tài sản không còn nhưng Hội đồng định giá xác định được giá qua khảo sát giá, bà yêu cầu anh L trả lại theo giá đã định như sau: nền sân đan có diện tích 372,76m² (do sân nhà rộng 219,76m² trừ diện tích khoảng đất không lát đan để trồng kiểng là 18m² và diện tích hai bên nhà là 171m²), đơn giá là 71.500đồng/m², trị giá là 26.652.340đồng, 03 cây đà trị giá 480.870đồng, 02

cây cột bê tông trị giá 320.580đồng, 02 tấm đan 01m x 0,5 m trị giá 42.500đồng, đan tráng men chung quanh nhà phụ 30m² trị giá 2.280.000đồng.

Đối với các tài sản không còn nhưng không định giá được bà yêu cầu tính theo giá do bà ước lượng như sau: chậu rửa mặt inox trị giá 1.000.000đồng, 12 cây nhãn tiêu xuống com vàng trị giá 30.000.000đồng, 02 cây xoài cát Hòa Lộc trị giá 5.000.000đồng, 03 cây cam sành trị giá 4.500.000đồng, 04 cây Bông Giấy và 01 cây trần thăng trị giá 2.500.000đồng, 01 chuồng gà trị giá 5.000.000đồng.

Đối với màn cửa sổ, màn cửa đi không còn, không định giá được, hiện chỉ còn 17 cái khung màn cửa sổ và 01 cái khung màn cửa đi, bà yêu cầu anh L trả lại bà theo giá anh L đưa ra tại buổi hòa giải do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang tổ chức ngày 15/11/2012 là 3.000.000đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản là 102.091.342đồng. Anh L đã trả cho bà 10.000.000đồng nên nay bà chỉ yêu cầu anh L trả bà số tiền tính tròn là 92.000.000đồng.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06 tháng 6 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh có mua lại tài sản là nhà và đất tọa lạc tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang từ anh Phạm Ngọc A, không mua tài sản từ bà B và ông N. Tài sản này anh A mua trúng đấu giá và được Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang giao. Sau khi anh nhận nhà, đất do anh Phạm Ngọc A bán, ông N và bà B có gặp anh để đòi tài sản và anh có đề nghị liệt kê số tài sản để xem xét xử lý. Sau đó ông N và bà B có liệt kê 12 loại tài sản theo bảng liệt kê nhưng anh không chấp nhận vì quá nhiều và không đúng, anh chỉ chấp nhận mua 01 bồn Inox và 01 kệ nhôm trị giá 10.000.000đồng và anh đã trả xong. Ngoài ra, số cây ăn trái và kiếng như bà B liệt kê tại đơn khởi kiện cũng như các loại tài sản khác trước đây không có thỏa thuận. Theo yêu cầu khởi kiện của bà B, anh không thống nhất, vì bồn Inox và kệ nhôm anh đã trả tiền xong; các tài sản gồm thạch cao, nền bê tông, đan là những tài sản gắn liền với căn nhà nên bà B kiện đòi là không đúng; khung màn cửa sổ và cửa đi, đèn mắt mèo nếu bà B yêu cầu anh đồng ý trả và bà B tự đến tháo gỡ; các tài sản chậu rửa mặt Inox, 24 bộ màn cửa, 03 cây đà, 02 tấm đan 1m x 0,5m thì anh không biết; các tài sản 70 cây thiên tuế, chuồng gà do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tự xử lý nên không còn; riêng các loại cây nhãn và xoài anh có cưa, di dời để sử dụng đất nhưng số lượng rất ít, không như bà B đã trình bày.

Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06 tháng 6 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Văn L bổ sung và thay đổi một số nội dung đã trình bày trước đây như sau: Khi anh nhận nhà và đất, không có các tài sản bà B kiện đòi. Ngày 21/6/2009, lúc đó bà B rất khó khăn nên có mượn của anh số tiền 10.000.000đồng và làm biên nhận bán tài sản cho anh có kèm bảng kê không ghi ngày và ký tên người kê mà anh đã nộp cho Tòa. Tuy nhiên, các tài sản bà B kê là quá nhiều, không sử dụng được, anh cũng không có nhu cầu sử dụng nên anh chỉ lấy 01 bồn inox 5.000l giá 5.000.000đồng và kệ với giá là 2.000.000đồng. Các tài sản khác, bà B tự kê anh không có nhận. Sau đó, ngày 06/02/2010, bà B đòi anh cây cột điện giá 150.000đồng và anh có trả số tiền này, bà B có viết biên nhận cho anh. Anh xác định số tiền 10.000.000đồng là đã trả dư so với giá trị tài sản anh mua, anh không đòi lại số dư là có lợi cho bà B mà bà B còn kiện anh là điều vô lý, anh không đồng ý. Về cây nhãn và xoài, anh xác định lại là anh không có mua. Khi giao đất cho anh là giao đất trống, không có cây. Biên bản hòa giải trước đây anh trình bày anh có mua là không đúng do anh nhớ không chính xác. Ngoài ra, anh xác nhận màn là anh không có nhận do cơ quan Thi hành án đã dọn màn trả lại cho bà B. Còn các đèn mắc mè, khi giao nhà cho anh thì các đèn đã bị hư, bị bể, anh vẫn để đó, hiện trạng vẫn giữ như trước. Nay, qua yêu cầu của bà B anh không đồng ý. Đối với đèn mắc mè nếu bà B lấy lại thì anh trả nhưng anh không đồng ý bồi hoàn giá trị. Các tài sản gắn liền với nhà thì đã bán theo nhà.

** Trong bản tự khai ngày 28 tháng 7 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị B. Vào khoảng năm 2008 do nợ tiền ngân hàng nên vợ ông bị kê biên nhà và đất tọa lạc tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang và sau đó tài sản được bán đấu giá. Người mua trúng đấu giá là anh Phạm Ngọc A. Đến năm 2009, cơ quan Thi hành án cưỡng chế giao nhà và đất cho người trúng đấu giá (tức là giao cho anh Nguyễn Văn L vì anh A bán lại tài sản mua trúng đấu giá cho anh L). Lúc cưỡng chế giao tài sản vợ chồng ông không có mặt. Ngày hôm sau, ông trở về nhà thì con ông là anh Võ Văn L đã giao lại cho vợ chồng ông đầy đủ các tài sản cơ quan thi hành án giao cho anh L B quản theo biên bản giao B quản tài sản ngày 18/6/2009. Đồng thời, vợ chồng ông và anh L thỏa thuận bán vật dụng không bị kê biên gồm:

01 bồn nước inox 5.000l và dây điện, ống

Các bao đựng màng (không nhớ bao nhiêu bao) gồm 24 bộ và khuôn nhôm đã treo sẵn trên tường.

01 tủ nhôm và 01 chậu rửa mặt inox

01 quạt đèn chùm

Tất cả đèn trong nhà

01 khuôn cửa sắt.

Khi thỏa thuận anh L có yêu cầu ông viết tờ giấy theo yêu cầu của anh L, ông không ký tên. Tuy nhiên, anh L không thống nhất với giá trong tờ giấy này nên ông vò bỏ. Sau đó, ông nói để ông liệt kê lại và báo giá sau. Cũng trong ngày đó, ông có nói miệng với anh L ngoài những tài sản nêu trên còn một số tài sản không được kê biên nhưng gắn với nhà và đất như thạch cao trần hoa văn, sân nền bê tông, 12 cây nhãn, 02 cây xoài, 03 cây cam, 04 cây bông giấy, 01 cây trần trắng, 70 cây thiên tuế nhỏ, 01 chuồng gà mái che tôn, 30m² đan trắng men. Anh L trả lời để anh L tính sau. Như vậy, thời điểm này, ông và anh L chưa thỏa thuận được về tài sản mua bán và giá tài sản.

Đến ngày 21/6/2009, anh L có đưa cho vợ chồng ông số tiền 10.000.000đồng. Ông có viết biên nhận nhận số tiền này và ghi tiền tạm ứng còn lại để tính sau. Biên nhận đưa cho anh L giữ. Khoảng 10 ngày sau, ông liệt kê tất cả tài sản đưa cho anh L xem nhưng anh L không nhận tờ giấy liệt kê này và nói để anh L trả tiền sau. Tờ giấy này ông đã lấy về và hiện đã bỏ mất. Sau đó, ông đến đòi nhiều lần nhưng anh L không trả và nói đã trả đủ tiền, yêu cầu ông yêu cầu cơ quan thi hành án trả. Đến ngày 18/9/2012, anh L cho chở bồn inox đi nơi khác nên bà B mới khởi kiện.

Ông xác định, tất cả tài sản bà B yêu cầu anh L hoàn trả là tài sản của bà B. Biên nhận ngày 21/6/2009 mà anh L đã nộp cho Tòa án do vợ chồng ông ký tên nhưng do vợ ông viết. Biên nhận ngày 06/02/2010 là thỏa thuận bán cây cột điện và anh L đã trả tiền xong không thuộc tài sản tranh chấp. Qua yêu cầu của bà B, ông thống nhất không có ý kiến gì khác.

** Trong Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 3 năm 2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn L trình bày:*

Anh là con ruột của ông N và bà B. Ngày 18/6/2009 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang tiến hành cưỡng chế nhà và đất của cha mẹ anh, lúc này cha mẹ anh không có mặt nên Chi cục Thi hành án giao cho anh nhận số

tài sản của cha mẹ anh và anh có ký xác nhận và giữ dùm số tài sản này. Đến ngày 19/6/2009, cha mẹ anh trở về, anh bàn giao lại toàn bộ số tài sản đã quản lý, sau đó cha mẹ anh có thương lượng với anh L và anh L cùng người làm qua không 01 B Inox 5.000lit và màn, đèn, các tài sản khác anh không biết rõ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2017, anh Võ Văn L trình bày bổ sung như sau: Anh sống ở cạnh nhà bà B. Tài sản của mẹ anh bị cưỡng chế để thi hành án là căn nhà kiên cố và phần đất tọa lạc tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo anh biết, ngoài căn nhà kiên cố, trên phần đất này còn nhà bếp (vị trí nằm sau nhà chính) có diện tích ngang 6-7m, dài 8m kết cấu vách cây, mái lợp tole, nền gạch tàu (loại lớn); chuồng gà vị trí sau nhà bếp có diện tích ngang 03 - 04m, dài 01 - 1,5m có kết cấu vách lưới nhôm, mái lợp tole, nền gạch tàu loại lớn; sân phía trước nhà được tráng đan đến cổng rào, sân quanh nhà được lót đan một phần đến giáp ranh phần đất khác phía giáp kho có chiều dài 3m, phía giáp đất của ông Ba Lép có chiều dài khoảng 4m, phần sân trống không tráng đan được trồng kiểng là cây thiên tuế lớn và nhỏ, tổng số bao nhiêu cây anh không biết; phía đất trống (giáp kho) vườn phía sau được trồng nhãn và mận, không có trồng xoài và cam, số lượng cây anh cũng không biết; 04 cây bông giấy được trồng ở sân nhà trước, cây trăn thẳng được trồng ở sát kho.

Anh không có chứng kiến việc cưỡng chế giao tài sản. Khi anh về, cơ quan thi hành án có dọn các đồ dùm trong nhà để chất đống trong kho và bàn giao cho anh. Anh có ký nhận trong biên bản bàn giao nhưng không đọc nội dung và cũng không kiểm tra những tài sản bàn giao là tài sản gì, có đúng với nội dung biên bản đã ký hay không. Đến ngày hôm sau, anh bàn giao lại tất cả các tài sản cho cha mẹ anh mà không kiểm tra lại tài sản cũng như không thay đổi hiện trạng các tài sản này. Sau đó, anh thấy cha mẹ anh sang nhà anh L để thỏa thuận mua bán một số tài sản với anh L. Anh thấy cha anh có mang bồn inox 5.000l và bao đựng màng sang nhà anh L. Sau đó, anh không biết sự việc xảy ra sau đó và cũng không hỏi gì về việc mua bán tài sản giữa hai bên. Anh xác định sau khi bị cưỡng chế cây trong vườn vẫn còn, chỉ bị cửa đón cây bàng và cây trứng cá ở cổng và khi cơ quan thi hành án giao cho anh chỉ giao cây thiên tuế lớn, không giao cây thiên tuế nhỏ.

Sau khi nhận quản lý tài sản vài tuần, anh L đã xây hàng rào bao xung quanh đất nên từ ngoài nhìn vào không nhìn thấy bên trong nữa nên anh không biết hiện trạng bên trong thay đổi như thế nào.

Như vậy, anh xác định các tài sản mẹ anh yêu cầu và tranh chấp với anh L là có, trừ các cây thì anh không xác định được số lượng và loại cây. Giá trị các tài sản anh cũng không biết. Các cây trong vườn được trồng từ khi làm nhà.

** Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang trình bày:*

Ngày 07/11/2008, Hội đồng kê biên Quyền sử dụng đất đã tiến hành kê biên tài sản của ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị B để đảm B thi hành các bản án số 134/2008/DSST ngày 24/7/2008, bản án số 189/2007/DSST ngày 13/7/2007; Quyết định số 242/2003/HGT ngày 22/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và bản án số 39/2002/DSPT ngày 06/3/2002, bản án số 641/2007/DSPT ngày 28/11/2007, bản án số 03/2007/KDTM-ST ngày 20/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản số 03/QĐ-THA ngày 28/10/2008 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tài sản kê biên gồm:

1. Nhà chính tầng trệt có diện tích 152,72m², Lầu 1 diện tích 128,305m². Tổng diện tích 281,02 m². Kết cấu nền gạch men, khung cốt bê tông, vách tường, mái bê tông cốt thép (có khu phụ) tỉ lệ còn lại 75%.

2. Nhà phụ 42,25m² kết cấu nền lót đan, cột gỗ, vách cây tạp và tole mái tole sóng vuông, đỡ mái gỗ. Tỉ lệ còn lại 30%.

3. Hàng rào trụ bê tông cốt thép, chân xây gạch cao 0,5m trên lưới B40 dài 105,3m, cao 1,8m, diện tích 189,54m², tỉ lệ còn lại 60%.

Hàng rào trụ bê tông cốt thép, chân xây gạch cao 0,6m trên hàng rào song sắt dài 19,1m, cao 2m, diện tích 38,2m², tỉ lệ còn lại 70%.

4. Quyền sử dụng đất có diện tích 1.131,3m² gồm: Thửa 64A diện tích 168 m² loại đất ở. Thửa 1851 diện tích 696m² loại đất lúa (Khu vực I, vị trí II). Thửa số 64 diện tích 267,3m² loại đất cây lâu năm (Khu vực I, vị trí I). Các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ 01, liền kề nhau, tọa lạc tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do bà Nguyễn Thị B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại buổi cưỡng chế có sự tham gia chứng kiến của bà Nguyễn Thị B và ông Võ Văn N nhưng ông bà không có ý kiến gì về các tài sản bị kê biên. Trên cơ sở kê biên tài sản do các bên không thỏa thuận được giá trị tài sản kê biên để làm cơ sở bán đấu giá tài sản nên chấp hành viên đã thành lập Hội đồng định giá

tài sản và ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản. Người mua trúng đấu giá là anh Phạm Ngọc A với giá là 1.062.000.000 đồng.

Do ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị B không tự nguyện giao tài sản cho người mua trúng đấu giá nên ngày 18/6/2009 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C tiến hành cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá thành cho người mua trúng đấu giá gồm căn nhà gắn liền Quyền sử dụng đất đã kê biên ngày 07/11/2008. Ngoài các tài sản trên, cơ quan Thi hành án giao các tài sản còn lại của ông N và bà B cho ông Võ Văn L (con ông N và bà B) là người nhận giữ B quản tại kho của ông N, bà B theo biên bản ngày 18/6/2009 do ông N, bà B cố tình vắng mặt.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì bà B khởi kiện anh Nguyễn Văn L là người mua lại tài sản của anh Phạm Ngọc A nội dung khởi kiện là do các bên tự thỏa thuận việc mua bán các tài sản không thuộc tài sản mà cơ quan Thi hành án đã kê biên và bán đấu giá. Chi cục Thi hành dân sự huyện C có ý kiến như sau: Việc tự thỏa thuận mua bán giữa các bên là do ý chí tự nguyện của các bên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không có ý kiến gì khác. Đối với tài sản là bồn Inox, dây điện và ống nước, trần thạch cao, kệ tủ, chậu rửa mặt, khuôn đèn, khuôn cửa sắt, nền bê tông sàn nhà, cây đà, cột sắt, đan lót nền, bóng đèn mắt mèo, đan tráng men chung quanh nhà phụ... là những tài sản gắn liền với nhà không thể tách rời. Khi kê biên và định giá thì Hội đồng định giá đã định giá chung trong kết cấu nhà. Đối với cây trồng trên đất theo hồ sơ thi hành án thì biên bản kê biên không thể hiện có cây trồng và khi cưỡng chế giao tài sản cho người trúng đấu giá cũng không giao các cây trồng trên đất. Quá trình kê biên, định giá và bán đấu giá thành đến khi cưỡng chế giao tài sản cho người mua trúng đấu giá thì ông N và bà B cũng không có ý kiến gì về các tài sản trên và cây trồng trên đất. Đối với cơ quan Thi hành án khi kê biên bán đấu giá các tài sản đã được định giá và xác định cụ thể, nếu có tranh chấp gì thì nguyên đơn có vụ kiện khác với cơ quan Thi hành án trong quá trình thi hành án, tài sản mà cơ quan Thi hành án giao bán cho người trúng đấu giá đã giao đúng theo kê biên và thủ tục bao gồm cả đất, tài sản gắn liền với nhà, ngay cả cây trồng trên đất vào thời điểm thi hành án cơ quan Thi hành án cũng đã xử lý xong theo đúng thủ tục. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không có ý kiến về phần này đề nghị Tòa án nhân dân huyện C xét xử theo quy định pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 07 tháng 9 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc A trình bày:*

Vào năm 2009, anh có tham gia đăng ký mua đấu giá tài sản gồm nhà và đất của bà Nguyễn Thị B do Công ty TNHH dịch vụ bán đấu giá Hoàng Vũ tổ chức. Trước đó, anh đã xem tài sản bán đấu giá nhưng chỉ đứng nhìn từ bên ngoài nên chỉ biết vị trí đất và tổng quan tài sản, còn chi tiết tài sản bên trong thì anh không biết. Sau đó, anh là người mua trúng đấu giá với giá 1.062.000.000đồng. Sau khi trúng đấu giá, anh thỏa thuận chuyển nhượng lại toàn bộ nhà, đất đã mua cho anh Nguyễn Văn L mặc dù chưa nhận được tài sản. Đến ngày 18/6/2009, cơ quan thi hành án cưỡng chế giao tài sản cho anh và anh đã giao lại toàn bộ cho anh L cùng ngày. Thời điểm này, anh nghĩ anh đã bán toàn bộ tài sản cho anh L, bà B đã có thời gian dọn dẹp tài sản nằm ngoài tài sản bán đấu giá và nghĩ cơ quan thi hành án giao tài sản cho anh đúng quy định nên anh nhận tài sản mà không quan tâm có các tài sản gì. Bà B không khiếu nại gì nên anh cũng không nghĩ sẽ có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. Anh đã mua các tài sản kê biên bán đấu giá và bán cho anh L tất cả các tài sản này, còn các tài sản ngoài là giao dịch riêng giữa bà B và anh L không liên quan gì đến anh và anh không biết bất cứ tài sản nào.

Theo anh nhớ, các tài sản mà bà B liệt kê và khởi kiện thì có tài sản anh có thấy và có tài sản anh không thấy, không nhớ được vì thời gian đã quá lâu, anh cũng không quan tâm. Những tài sản anh có nhìn thấy gồm bồn inox, kệ tủ nhôm, chậu rửa mặt, tấm đan nhưng không biết bao nhiêu tấm, 02 cây cột làm đà 12cm² để ở bên cạnh hàng rào, các chỉ thạch cao, cây nhãn đã cho thu hoạch nhưng không nhớ số lượng, cây xoài không có trái và đã lớn nhưng không biết chủng loại và số lượng, đèn mắc mèo gắn trên trần nhà, nền sân xi măng nhưng không biết diện tích bao nhiêu, ngoài ra anh không nhớ các tài sản khác.

Sau đó, anh có nghe anh L nói mua của bà B bồn inox và anh L có cho bà B một số tiền nhưng anh không biết việc mua bán thế nào và anh L đưa bao nhiêu tiền. Các tài sản khác thì anh không nghe nói gì.

Hợp đồng mua bán tài sản giữa anh và anh L anh không còn giữ nên không cung cấp cho tòa án được.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà B, anh không có ý kiến gì vì đây là giao dịch riêng giữa anh L và bà B không liên quan gì đến anh. Việc tranh chấp này là lỗi của bà B đã không thu dọn các tài sản của mình khi đã biết các tài sản bị kê biên thi hành án trước đó.

** Tại Bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2017, người làm chứng bà Ngô Thị M trình bày: Bà là chị em cô cậu ruột và nhà ở gần nhà của bà Nguyễn Thị*

B. Khi còn sống, mẹ của bà B là cô Mười của bà sống ở căn nhà hiện đã bán cho anh L thì bà thường đến thăm. Thời gian cơ quan thi hành án cưỡng chế giao tài sản cho anh L thì bà không nhớ chính xác nhưng lúc đó bà B đi đám tang không có mặt ở nhà nên cô Mười nhờ bà đến phụ dọn đồ. Bà chỉ dọn chén bát, xoang nồi và các vật dụng trong nhà bếp sang nhà bà B bên cạnh, còn đồ đạc ở nhà trên bà không biết có những gì vì nhà trên đã bị niêm phong. Khi đó, bà thấy các cây trong vườn đã bị đốn hết, chuồng gà đã bị phá dỡ. Theo bà biết, sân nhà bà B trước đây được đổ bê tông từ cổng nhà ra sau, ở vườn sau có nhãn được trồng đã lâu và có trái, số lượng bao nhiêu cây thì bà không biết. Còn về cam, xoài, bà không nhớ là có hay không và bao nhiêu cây. Về cây thiên tuế, cây trần thăng, cây bông giấy bà xác định trước đó là có nhưng không nhớ số lượng. Khi dọn đồ, bà không thấy các cây kiểng này nữa, không biết di dời đi đâu.

** Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 8 năm 2017, người làm chứng anh Ngô Văn B trình bày:* Trước đây, anh có đến mua P thuốc của cửa hàng bà B nên anh có nhìn thấy phía sau vườn và sân nhà của bà B. Từ phía trước nhìn ra sau, anh thấy có khoảng 20 cây ăn trái gồm nhãn, xoài đã và đang cho trái, số lượng chính xác anh không biết. Vườn phía sau anh không biết có trồng kiểng hay không nhưng ở trước sân nhà có trồng nhiều loại kiểng có giá trị nhưng loại gì thì anh không nhớ. Tại thời điểm cưỡng chế, anh không có chứng kiến nên không biết tài sản của bà B còn những gì. Sau đó vài ngày, anh có đi ngang thì thấy vườn phía sau nhà bà B vẫn còn cây, số lượng bao nhiêu thì anh không biết, phía trước sân kiểng và hòn non bộ vẫn còn. Sau này, anh L xây dựng kho thì không nhìn thấy gì nữa. Ngoài ra, trước sân nhà bà B có đổ bê tông từ cổng đến hết mí thềm nhà và phía sau có cất nhà bếp mái tôn cột xi măng nền bê tông vách bằng gỗ diện tích nhà bếp anh không biết chính xác, có chuồng gà nhưng anh không nhớ kết cấu.

** Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 19 tháng 8 năm 2019, người làm chứng anh Nguyễn Văn M trình bày:* Anh là trưởng ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh có tham gia đoàn kê biên, cưỡng chế giao tài sản của bà B rất nhiều lần nhưng do thời gian quá lâu nên không nhớ cụ thể. Nhà anh ở gần nhà bà B nên anh có đến nhà bà B và thấy phía sau bên hông nhà có trồng nhãn long, phía trước nhà có trồng kiểng. Lúc đó nhãn đã cho trái, số lượng khoảng 10 cây, còn các tài sản khác thì anh không biết. Thời gian quá lâu nên anh không nhớ là nhãn và cây kiểng có phải là tài sản thi hành án hay không. Sau đó, bà B có nhờ anh xác nhận ngày 30/01/2015 mục đích là anh xác nhận hộ khẩu thường trú của bà B tại ấp Thuận, xã D để bà B nộp cho Tòa án và

vì lý do đó nên khi xác nhận anh không có đến đất để xem có tài sản gì trên đó không.

** Tại bản tự khai ngày 28 tháng 9 năm 2018, người làm chứng anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:*

Anh là thành viên Hội đồng định giá huyện C tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2008, anh có tham gia Hội đồng cưỡng chế và Hội đồng định giá tiến hành kê biên và định giá tài sản của bà Nguyễn Thị B để thi hành án. Lúc đó, Hội đồng đã tiến hành kê biên các tài sản là đất, nhà và các công trình xây dựng gồm quyền sử dụng đất diện tích 1.131,3m², căn nhà, hàng rào, các tài sản này tọa lạc tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Biên bản kê biên tài sản ngày 07/11/2008. Các tài sản này được định giá theo Biên bản định giá ngày 07/11/2008. Anh xác định khi định giá nhà, các tài sản gồm đường dây điện và ống (của hệ thống bồn inox 5.000l), thạch cao trần vức cấp, thạch cao hoa văn bông cạnh tường lớn, thạch cao hoa văn nhỏ, thạch cao chữ L bông, thạch cao hoa văn khuôn đèn lớn, kệ tủ nhôm, chậu rửa mặt inox, khuôn cửa sắt kéo, đan trảng men xung quanh nhà phụ, đèn mắc mèo là những tài sản gắn liền với nhà chính và nhà phụ đã được định giá chung trong giá trị nhà chính và nhà phụ tại Biên bản định giá ngày 07/11/2008. Trong biên bản không ghi rõ các cấu trúc này vì theo quy định hướng dẫn về định giá thì chỉ quy định mô tả các cấu trúc chính của tài sản nhưng khi quyết định giá thì Hội đồng đã tính các yếu tố trang trí và tài sản gắn liền này để xác định giá tài sản phù hợp với giá trị thực tế của tài sản. Các tài sản khác không gắn liền với nhà thì Hội đồng định giá không định giá. Tại thời điểm định giá, các tài sản như sân đan (nền bê tông), 03 cây đà, 02 cây cột sắt, 02 tấm đan, chuồng gà, màn cửa và giàn khuôn nhôm, cây trồng trong vườn và cây kiểng thì tôi không nhớ chính xác vì thời gian đã quá lâu.

Việc quyết định kê biên tài sản gì của bà B để thi hành án là do Cơ quan Thi hành án xem xét và quyết định vì thuộc lĩnh vực chuyên môn của họ. Cơ quan Thi hành án kê biên tài sản gì thì Hội đồng định giá định giá các tài sản đó. Tuy nhiên, sau khi kê biên và định giá tài sản, bà B không có ý kiến khiếu nại gì nên xem như đã chấp nhận kết quả này, các tài sản không được kê biên bà B có thể di dời đi nơi khác.

Theo chuyên môn về định giá tài sản, các tài sản gắn liền với đất như sân đan, cây trồng nếu có tồn tại trên đất thì sẽ được tính giá trị riêng, không tính trong giá trị đất.

Anh không tham gia Hội đồng cưỡng chế giao tài sản ngày 18/6/2009 cho anh Phạm Ngọc A đối với các tài sản đã kê biên theo Biên bản kê biên ngày 07/11/2008. Do đó, các tài sản theo yêu cầu khởi kiện của bà B có hay không thì anh không xác định được.

** Tại bản tự khai ngày 28 tháng 9 năm 2018, người làm chứng anh Võ Ngọc T trình bày:*

Anh là thành viên Hội đồng định giá huyện C tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2008, anh có tham gia Hội đồng cưỡng chế và Hội đồng định giá tiến hành kê biên và định giá tài sản của bà Nguyễn Thị B, tài sản tọa lạc tại ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi đó, Hội đồng đã tiến hành kê biên các tài sản là nhà và đất theo Biên bản kê biên tài sản ngày 07/11/2008 và các tài sản này được định giá theo Biên bản định giá cùng ngày. Anh xác định khi định giá nhà, các tài sản gồm đường dây điện và ống (của hệ thống bồn inox 5.000l), thạch cao trần vức cấp, thạch cao hoa văn bông cạnh tường lớn, thạch cao hoa văn nhỏ, thạch cao chữ L bông, thạch cao hoa văn khuôn đèn lớn, kệ tủ nhôm, chậu rửa mặt inox, khuôn cửa sắt kéo, đan tráng men xung quanh nhà phụ, đèn mắc mèo là những tài sản gắn liền với nhà chính và nhà phụ đã được định giá chung trong giá trị nhà chính và nhà phụ tại Biên bản định giá ngày 07/11/2008. Các tài sản không gắn liền với nhà thì Hội đồng định giá không định giá. Tại thời điểm định giá, sân đan (nền bê tông) vị trí ở phía sân trước và bên hông hướng đông nhà chính bà B nhưng không đo diện tích nên không biết diện tích là bao nhiêu và cũng không được định giá trong các tài sản tại Biên bản định giá ngày 07/11/2008; 03 cây dừa, 02 cây cột sắt, 02 tấm đan thì anh không thấy; về chuồng gà là loại chuồng gà di động, có bốn chân có thể di chuyển được nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá và không xác định được kết cấu, kích thước của chuồng gà này; màn cửa và giàn khuôn nhôm là có nhưng có thể tháo dỡ nên Hội đồng cũng không định giá; trong vườn nhà bà B có trồng cây nhưng không có kê biên nên Hội đồng không có định giá và không xác định số lượng, chủng loại và giá trị; còn các cây kiểng thì anh không biết có hay không.

Anh cũng là thành viên tham gia Hội đồng cưỡng chế giao tài sản ngày 18/6/2009 cho anh Phạm Ngọc A đối với các tài sản đã kê biên theo Biên bản kê biên ngày 07/11/2008. Đối với các tài sản trong nhà của bà B không được kê biên bán đấu giá đã giao cho người quản lý tài sản để giao trả lại cho bà B theo Biên bản giao B quản tài sản ngày 18/6/2009. Đối với các tài sản như cây trồng, cây kiểng tại thời điểm cưỡng chế còn hay không thì anh không xác định được.

** Tại bản tự khai ngày 03 tháng 10 năm 2017, người làm chứng anh Nguyễn Thanh B trình bày:* Vào ngày 18/6/2019, anh được Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện C, tỉnh Tiền Giang P công tham gia Đoàn cưỡng chế theo Quyết định số 44/QĐ-THA ngày 08/6/2009 của Chi cục thi hành án huyện C tại căn nhà số 186 tổ 8 ấp Thuận, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trình tự và thủ tục cưỡng chế do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang chủ trì thực hiện, anh chỉ tham gia chứng kiến. Chi cục Thi hành án đã thực hiện thủ tục cưỡng chế giao tài sản theo quy định. Đối với cây trồng trên đất tại thời điểm cưỡng chế có hay không thì anh không nhớ do thời gian đã quá lâu. Ngoài ra, đối với tài sản có thể di dời được, hội đồng cưỡng chế đã thực hiện giao trả cho người nhà của bà B toàn bộ.

** Tại bản tự khai ngày 13 tháng 10 năm 2017, người làm chứng anh Phạm Trọng V trình bày:* Trước đây anh là cán bộ đo đạc công tác tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh được P công tham gia hội đồng cưỡng chế thi hành án đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất của bà B. Nhiệm vụ của anh là đo đạc đất để giao cho người mua trúng đấu giá. Khi đo đạc, anh có thấy sân nhà phía trước có tráng đan bê tông nhưng anh không đo diện tích sân đan. Còn phần đất vườn phía sau anh không nhớ có cây trồng hay không. Do anh chỉ làm nhiệm vụ đo đạc nên các tài sản trong nhà như thế nào anh không biết. Việc thi hành án có cưa cây hay không anh không biết.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 16 tháng 5 năm 2019, người làm chứng anh Ngô Văn T trình bày:* Anh L không có cho hay bán cho anh nền dal hay sân dal bê tông mà chỉ có cho khoảng 02 khúc trụ bê tông có kích thước 0,25m x 0,25m x 0,8m. Trước đây, bà B có làm sân đan nhưng hiện trạng như thế nào anh không nhớ do quá lâu. Sau đó, anh L tiến hành xây dựng lại nền sân đan.

** Tại bản tự khai ngày 25 tháng 6 năm 2019, người làm chứng anh Lê Văn P trình bày:* Ông không còn nhớ sự việc đã xảy ra về việc có xây nền bê tông sân nhà của bà B. Do đó, ông không cung cấp được cho Tòa án.

** Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị G:* Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia đối chất và dự phiên tòa nhưng bà G không đến và cũng không có ý kiến trình bày về các nội dung liên quan đến vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 416/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228, Điều 229 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 251

và 599 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B 70 cây thiên tuế nhỏ.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B số tiền 92.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 416/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang vẫn giữ nguyên các ý kiến tại các văn bản trình bày.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang có mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc A, anh Võ Văn L, người làm chứng bà Ngô Thị Mảnh, Ngô Văn B, Nguyễn Văn M, Ngô Văn T, Lê Văn P, Nguyễn Thị G, Võ Ngọc T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thanh B, Phạm Trọng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản

tổ tụng có mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc A, anh Võ Văn L, người làm chứng bà Ngô Thị Mãnh, Ngô Văn B, Nguyễn Văn M, Ngô Văn T, Lê Văn P, Nguyễn Thị G, Võ Ngọc T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thanh B, Phạm Trọng V.

[2] Xét thời hiệu kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ tranh chấp bà Nguyễn Thị B kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L có Th nhiệm trả cho bà số tiền 92.000.000đồng (trị giá những tài sản không thuộc tài sản kê biên bán đấu giá) nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi tài sản là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung kháng cáo nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với lý do là yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận khởi kiện của bà là buộc ông Nguyễn văn L hoàn trả cho bà số tiền (trị giá tương đương số tài sản không thuộc tài sản kê biên bán đấu giá) là 92.000.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào các biên bản kê biên tài sản ngày 07/11/2008 (bút lục 65), biên bản định giá tài sản ngày 07/11/2008 (bút lục 68), biên bản cưỡng chế giao tài sản vắng mặt người phải thi hành án ngày 18/6/2009 (bút lục 121) do chấp hành viên Nguyễn Thành Đoàn chủ tịch hội đồng tiến hành kê biên, định giá và cưỡng chế thi hành án trong các biên bản kê biên, định giá có thể hiện rõ các tài sản của bà Nguyễn Thị B, khi tiến hành cưỡng chế giao tài sản anh Phạm Ngọc A là người mua trúng đấu giá tài sản, sau khi mua trúng đấu giá tài sản anh A đã chuyển nhượng lại cho anh L, anh L là người nhận tài sản này từ anh A.

Tại biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 18/6/2009 chỉ có hội đồng cưỡng chế cùng các cơ quan chính quyền địa phương và anh A, không có mặt bà Nguyễn Thị B, ông N. Việc bà B cho rằng khi cưỡng chế giao nhà cho anh L còn một số tài sản của bà ngoài danh mục kê biên cơ quan thi hành án không có kê biên thuộc quyền sở hữu của bà và anh L đang quản lý nên bà yêu anh L phải hoàn trả và bồi thường. Anh L cho rằng anh nhận nhà từ anh A và anh cũng không biết trong số tài sản anh được nhận anh không biết số tài sản nào cơ quan thi hành án kê biên và số tài sản nào thi hành án không kê biên, vì anh mua toàn bộ nhà và đất từ anh A.

Từ các cơ sở trên cho thấy việc bà Nguyễn Thị B kiện anh L yêu cầu hoàn trả và bồi thường mà bà cho rằng anh L đang sở hữu. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy các biên bản kê biên tài sản ngày 07/11/2008, biên bản định giá tài sản ngày 07/11/2008 và biên bản cưỡng chế. Anh L là

người mua tài sản hợp pháp từ anh A và nhận chuyển giao từ anh A không phải nhận chuyển giao từ cơ quan thi hành án cho nên bà Hai kiện yêu cầu anh L hoàn trả là không có cơ sở. Việc bà Hai cho rằng anh L đã nhận tài sản và làm thiệt hại cây trồng và những hạng mục mà cơ quan thi hành án không có kê biên giao cho anh L nên bà yêu cầu anh L bồi thường là không có cơ sở. Việc cơ quan thi hành án kê biên tài sản của bà B còn thiếu sót ảnh hưởng đến quyền lợi bà B như thế nào thì bà có quyền khởi kiện cơ quan thi hành án để yêu cầu cơ quan thi hành án bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyễn Thị B phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị xem như có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308 khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228, Điều 229 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 251 và 599 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

[2] Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 416/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B 70 cây thiên tuế nhỏ.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B số tiền 92.000.000 đồng.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào hồi **08 giờ 00 phút** ngày 07 tháng 7 năm 2020, án tuyên có mặt ông N, bà Hai, anh C.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em

Phan Văn Huyện

Nguyễn Thanh Triều